

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2015
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG & GIAO THÔNG BÌNH DƯƠNG
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ Luật doanh nghiệp được Quốc Hội Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005.

- Căn cứ vào Điều lệ hoạt động của Công ty Cổ Phần Xây Dựng & Giao Thông Bình Dương đã được Đại Hội đồng Cổ Đông thông qua ngày 18/02/2002 và được sửa đổi bổ sung lần 7 ngày 19/04/2012.

- Căn cứ Biên bản họp Đại Hội Cổ Đông Thường niên năm 2015 số 01/2015/BBH/ĐHĐCĐ ngày 24/04/2015.

Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2015 của Công ty Cổ phần Xây dựng & Giao thông Bình Dương được tổ chức tại **HỘI TRƯỜNG VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG & GIAO THÔNG BÌNH DƯƠNG - Lô G, Đường Đồng Khởi, Phường Hòa Phú, TPTDM, Bình Dương (Thành Phố Mới Bình Dương)** vào lúc 09h00 ngày 24/04/2015 với 102 đại biểu, đại diện cho 21.827.592 cổ phần, chiếm 72,76% số cổ phần có quyền biểu quyết.

Đại hội đã thảo luận và biểu quyết thông qua các nội dung sau:

QUYẾT NGHỊ

1. Thông qua báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2014, báo cáo của Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát về tình hình hoạt động kinh doanh năm 2014.

Các chỉ tiêu chính như sau:

| | <i>DVT: Đồng</i> |
|--|------------------|
| Doanh thu thuần | 611.372.719.379 |
| Giá vốn hàng bán | 574.898.702.664 |
| Lợi nhuận gộp | 36.474.016.715 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 764.942.939 |
| Chi phí tài chính | 10.200.147.118 |
| Chi phí bán hàng | 112.267.777 |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 6.221.959.359 |
| Lợi nhuận khác | 6.755.412.201 |
| Lợi nhuận trước thuế | 27.459.997.601 |
| Lợi nhuận sau thuế | 21.422.739.120 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu) | 714 |

| | | |
|-----------------------|----------|------------------------|
| Tài sản ngắn hạn | : | 834.512.327.548 |
| Tài sản dài hạn | : | 115.571.644.131 |
| Tổng tài sản | : | 950.083.971.679 |
| Nợ phải trả | : | 599.187.209.309 |
| Nguồn vốn chủ sở hữu | : | 350.896.762.370 |
| Tổng nguồn vốn | : | 950.083.971.679 |

2. PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2014.

DVT: Đồng

| | | |
|--|---|-----------------------|
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2013 | : | 2.159.326.481 |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2014 | : | <u>21.422.739.120</u> |
| | | 23.582.065.601 |

Phân phối trong năm 2014:

| | | |
|---|---|----------------|
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi | : | 2.367.838.601 |
| Thù lao HĐQT + BKS + Tổ thư ký (1% LNST) | : | 214.227.000 |
| Chia cổ tức năm 2014 (7% /VĐL: 300 tỷ đồng) | : | 21.000.000.000 |

3. KẾT CHUYỂN SỐ DƯ QUỸ DỰ PHÒNG TÀI CHÍNH QUA QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN

Theo hướng dẫn của Chế độ kế toán doanh nghiệp tại Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Công ty sẽ không trích Quỹ dự phòng tài chính kể từ niên độ kế toán 2015 và kết chuyển số dư của Quỹ dự phòng tài chính đến thời điểm 31/12/2014 qua Quỹ đầu tư phát triển với số tiền là **4.357.378.677 đồng**.

4. KẾ HOẠCH PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2015:

Thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2015 như sau:

| | | |
|---------------------------|---|-----------|
| Trích quỹ khen thưởng | : | 9 % LNST |
| Thù lao Hội đồng quản trị | : | 1% LNST |
| Thưởng Ban điều hành | : | 0.5% LNST |
| Tỷ lệ cổ tức | : | 7 %/VĐL |

5. PHƯƠNG ÁN CHỌN CÔNG TY KIỂM TOÁN CHO NĂM 2015:

Ủy quyền cho Ban Kiểm soát xem xét, đánh giá và lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2015 và soát xét Báo cáo tài chính bán niên năm 2015 của Công ty từ các Công ty kiểm toán thuộc danh sách các công ty đủ điều kiện kiểm toán do Ủy ban chứng khoán nhà nước công bố hàng năm.

6. SỬA ĐỔI BỔ SUNG ĐIỀU LỆ CÔNG TY:

Sửa đổi một số nội dung theo Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 của Quốc hội

| Điều lệ hiện hành ngày 25/04/2014 | Điều lệ sửa đổi ngày 24/04/2015 | Ghi chú |
|--|---|----------------------------|
| <p>Điều 1. Định nghĩa</p> <p>a. "Vốn điều lệ" là vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 5 của Điều lệ này.</p> <p>b. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 12 năm 2005.</p> <p>d. "Cán bộ quản lý" là Tổng giám đốc điều hành, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng, và các vị trí quản lý khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn.</p> <p>e. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 17 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp</p> | <p>Điều 1. Định nghĩa</p> <p>a. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán và được quy định tại Điều 5 của Điều lệ này.</p> <p>b. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014.</p> <p>d. "Người quản lý doanh nghiệp" là người quản lý Công ty bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh Công ty ký kết các giao dịch của Công ty;</p> <p>e. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với Công ty và được quy định tại Khoản 17 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp.</p> | <p>Điều 4 LDN</p> |
| <p>Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty.</p> <p>4. Chủ tịch Hội đồng quản trị là đại diện theo pháp luật của Công ty</p> | <p>Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty.</p> <p>4. Công ty có một người đại diện theo pháp luật. Chủ tịch Hội đồng quản trị là đại diện theo pháp luật của Công ty</p> | <p>Khoản 2 điều 13 LDN</p> |
| <p>Điều 13. Đại hội đồng cổ đông</p> <p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất</p> | <p>Điều 13. Đại hội đồng cổ đông</p> <p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường</p> | |

| | | |
|--|---|------------------------------------|
| <p>thường trong các trường hợp sau:</p> <p>c) Khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ;</p> <p>e) Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 119 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình</p> <p>4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:</p> <p>b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Điều 97.5 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 4.b Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Khoản 3 điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Điều 97.6 Luật Doanh nghiệp</p> | <p>trong các trường hợp sau:</p> <p>c) Khi số thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ;</p> <p>e) Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình</p> <p>4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:</p> <p>b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Điều 136.5 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 4.b Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Khoản 3 điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Điều 136.6 Luật Doanh nghiệp</p> | <p>Điểm b khoản 3 điều 136 LDN</p> |
| <p>Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:</p> | <p>Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:</p> <p>a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm</p> | |

370
CƠ
CỔ
Y D
V O
H L
107

| | | |
|---|--|--|
| <p>a) Báo cáo tài chính năm được kiểm toán;</p> <p>b) Báo cáo của Ban kiểm soát;</p> <p>c) Báo cáo của Hội đồng quản trị;</p> <p>d) Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:</p> <p>1. Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;</p> <p>o) Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Điều 120.1 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;</p> | <p>của Công ty;</p> <p>b) Báo cáo tài chính hằng năm;</p> <p>c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;</p> <p>e) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng Kiểm soát viên</p> <p>f) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại</p> <p>g) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:</p> <p>1. Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;</p> <p>o) Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Điều 162 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;</p> | <p>Khoản 2 điều 136 LDN</p> <p>Điều d khoản 2 điều 135 LDN</p> |
| <p>Điều 17: Triệu tập ĐHĐCĐ, chương trình họp và thông báo họp.</p> <p>Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông</p> | <p>Điều 17: Triệu tập ĐHĐCĐ, chương trình họp và thông báo họp.</p> <p>Gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc.</p> | <p>Điều 139 LDN</p> |

| | | |
|--|---|---|
| <p>Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp ĐHĐCĐ</p> <p>1. ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 65% cổ phần có quyền biểu quyết.</p> <p>2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết</p> | <p>Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp ĐHĐCĐ</p> <p>1. Cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết.</p> <p>2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% cổ phần có quyền biểu quyết.</p> | <p>Khoản 1 điều 141 LDN</p> <p>Khoản 2 điều 141 LDN</p> |
| <p>Điều 20. Thông qua quyết định của ĐHĐCĐ</p> <p>1. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>a. Thông qua báo cáo tài chính năm;</p> <p>b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của công ty</p> <p>c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc điều hành.</p> <p>2. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu</p> | <p>Điều 20. Thông qua quyết định của ĐHĐCĐ</p> <p>1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp tán thành:</p> <p>a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</p> <p>b) Thay đổi ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh;</p> <p>c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;</p> <p>d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;</p> <p>e) Tổ chức lại, giải thể Công ty;</p> <p>2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành</p> | <p>Khoản 1 điều 144 LDN</p> <p>Khoản 2 điều 144 LDN</p> |

| | | |
|---|--|---|
| <p>được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 75% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất 75% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết chấp thuận (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản).</p> | | |
| <p>Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ</p> <p>2.Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến</p> <p>8.Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như quyết định được thông qua tại</p> | <p>Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ</p> <p>2.Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho cá cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến</p> <p>8.Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận</p> | <p>Khoản 2 điều 145 LDN</p> <p>Khoản 4 điều 144 LDN</p> |

| | | |
|--|--|---|
| cuộc họp ĐHĐCĐ. | | |
| <p>Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này</p> | <p>Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi vào sổ biên bản của Công ty và có thể ghi âm hoặc ghi</p> <p>và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể cả bằng tiếng nước ngoài</p> | Khoản 1 điều 146 LDN |
| <p>Điều 26. Chủ tịch Hội đồng quản trị</p> <p>1.Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch. Trừ khi Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm chức vụ Tổng giám đốc điều hành của Công ty. Việc Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức Tổng giám đốc điều hành phải được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.</p> | <p>Điều 26. Chủ tịch Hội đồng quản trị</p> <p>1. Hội đồng quản trị bầu một thành viên của Hội đồng quản trị làm Chủ tịch. Trừ khi Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm chức vụ Tổng giám đốc điều hành của Công ty. Việc Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức Tổng giám đốc điều hành phải được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.</p> | Khoản 1 điều 152 LDN |
| <p>Điều 27. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị</p> <p>4.Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Điều 27.3 phải được tiến hành trong thời hạn mười lăm (15) ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Điều 27.3 có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị</p> <p>8....</p> | <p>Điều 27. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị</p> <p>4.Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Điều 27.3 phải được tiến hành trong thời hạn bảy (7) ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Điều 27.3 có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị</p> <p>8....</p> | <p>Khoản 5 điều 153 LDN</p> <p>Khoản 8 điều</p> |

| | | |
|---|---|----------------------|
| Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp | Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn bảy (7) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp | 153 LDN |
| Điều 30. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc điều hành 2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc điều hành là ba (03) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. | Điều 30. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc điều hành 2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm; có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. | Khoản 2 điều 157 LDN |

7. ỦY QUYỀN CHO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ THỰC HIỆN CÁC VẤN ĐỀ BIỂU QUYẾT THÔNG QUA TẠI ĐẠI HỘI

8. Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2015 của Công ty Cổ Phần Xây Dựng & Giao Thông Bình Dương giao nhiệm vụ cho Hội Đồng Quản Trị chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nội dung đã được các Cổ đông nhất trí thông qua tại Đại hội này theo đúng Pháp luật và Điều lệ Công ty.

Nghị quyết này đã được Đại Hội Đồng Cổ Đông Thường Niên Năm 2015 Công ty Cổ Phần Xây Dựng & Giao Thông Bình Dương nhất trí thông qua và có hiệu lực kể từ ngày 24/04/2015.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TOẠ ĐOÀN**



ĐỖ VĂN MINH